TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 10-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Liên.

2. Ông Lê Đình Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Kim Huệ, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên toà:

Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, số x đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (nay thuộc phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà An Như N; chức vụ: Phó Trưởng Phòng Khách hàng cá nhân, Ngân hàng Thương mại cổ phần B chi nhánh H; địa chỉ: Tổ x, đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang); *có mặt.*

(Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 963/QĐ-B ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần B; Quyết định v/v ủy quyền tham gia tố tụng số 644/QĐ-B ngày 17/6/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần B chi nhánh H)

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn H; địa chỉ: Tổ x, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang); *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B) trình bày:

Ngày 24/8/2021, Ngân hàng B chi nhánh H và ông Hoàng Văn H đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 01/2021/12935716/HĐTD, nội dung hợp đồng thể hiện:

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Mục đích vay: Tiêu dùng.

- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 24/8/2021 đến ngày 24/8/2026.

- Lịch trả nợ gốc: Định kỳ hàng tháng vào ngày 20, số tiền trả nợ là 5.000.000 đồng/tháng.

- Lịch trả nợ lãi: Tính theo dư nợ gốc khoản vay và trả hàng tháng.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm.

Tại thời điểm vay vốn, ông H làm việc tại Bệnh viện Đ; tuy nhiên đến tháng 10/2022, ông H chấm dứt hợp đồng lao động nên không có nguồn tài chính ổn định để trả nợ, do đó thường xuyên phát sinh nợ quá hạn với Ngân hàng B. Ngân hàng B đã nhiều lần liên lạc, mời làm việc, yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nhưng ông H vẫn không tất toán khoản vay và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Hoàng Văn H thanh toán trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 10/7/2025, số tiền: 168.956.489 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 119.180.000 đồng (Một trăm mười chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); nợ lãi trong hạn chưa trả là 17.489.740 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày 10/7/2025 là 32.286.749 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng).

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Hoàng Văn H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho bị đơn, tuy nhiên ông Hoàng Văn H vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tống đạt, thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tuy nhiên không nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố

tình vắng mặt, thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B, buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng B số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là: 168.956.489 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 119.180.000 đồng (Một trăm mười chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); nợ lãi trong hạn chưa trả là 17.489.740 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày 10/7/2025 là 32.286.749 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng). Ông Hoàng Văn H tiếp tục phải chịu khoản lãi phát sinh sau thời điểm xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng B khởi kiện bị đơn ông Hoàng Văn H về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn ông Hoàng Văn H không có đăng ký kinh doanh và mục đích ký kết hợp đồng tín dụng của bị đơn là mục đích tiêu dùng, không phải là mục đích lợi nhuận nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại tổ x, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang) nên căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; các điều 5 và 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2] Việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo

về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho bị đơn theo địa chỉ nơi cư trú của bị đơn mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ đã ghi trong hợp đồng mà không thực hiện nghĩa vụ thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tống đạt, thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên không nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Hoàng Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng thì: *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm."* Hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 24/8/2021, Ngân hàng B chuyển toàn bộ dư nợ gốc và lãi của khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/4/2024 và nộp đơn khởi kiện ngày 17/6/2024. Như vậy, xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng trong vụ án này vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng tín dụng số: 01/2021/12935716/HĐTD ngày 24/8/2021 ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng B và bị đơn ông Hoàng Văn H thể hiện: Ông Hoàng Văn H vay của Ngân hàng B số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích vay: Tiêu dùng; thời hạn vay: 60 tháng. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp thời hạn vay vốn không đủ 01 (một) ngày, các bên thỏa thuận thống nhất thời hạn vay được làm tròn thành 01 (một) ngày. Lãi suất trong hạn áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi 11%/năm tới ngày 01/02/2022 và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này theo thông báo lãi suất của Ngân hàng. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/lần chậm trả lãi. Phí cam kết rút vốn = 0%/năm x số tiền tính phí, tối thiểu 0VNĐ, tối đa 2.000.000 đồng. Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Phạt vi phạm: 10%/năm, không vượt quá 10.000.000 đồng. Lịch trả nợ gốc: Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng là

5.000.000 đồng; riêng kỳ cuối trả 5.000.000 đồng. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, lễ tết thì ngày trả nợ sẽ chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Bên vay có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của Hợp đồng này. Lãi vay được Bên vay trả cùng ngày trả nợ gốc. Phương thức trả nợ: Trích nợ tài khoản số xxxxxxxxxxxxxx của Hoàng Văn H mở tại Ngân hàng B chi nhánh H và các tài khoản khác thuộc sở hữu của Bên vay mở tại Ngân hàng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số: 01/2021/12935716/HĐTD ngày 24/8/2021 ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng B và bị đơn ông Hoàng Văn H phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; đáp ứng các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký; từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

[6] Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng B đã giải ngân cho ông Hoàng Văn H toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, thể hiện tại Giấy rút tiền mặt số: 0253 ngày 24/8/2021. Quá trình trả nợ, ông Hoàng Văn H đã trả cho Ngân hàng B tổng số tiền là: 228.475.540 đồng, trong đó số tiền gốc đã thanh toán là: 180.820.000 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là: 47.655.540 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng B đã chuyển toàn bộ nợ gốc và lãi sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/4/2024. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B buộc ông Hoàng Văn H phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán số tiền 119.180.000 đồng (Một trăm mười chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của Ngân hàng B buộc ông Hoàng Văn H phải trả số tiền lãi trong hạn chưa trả là 17.489.740 đồng và số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày 10/7/2025 là 32.286.749 đồng, tổng cộng tiền lãi phải trả là 49.776.489 đồng (Bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản nợ của bị đơn ông Hoàng Văn H theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết đã được Ngân hàng B chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/4/2024. Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 24/8/2021 giữa Ngân hàng B và ông Hoàng Văn H quy định mức lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng là 11% áp dụng tới ngày 01/02/2022 và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng B tính lãi với mức lãi suất trong hạn 11% đến ngày 01/4/2024 và mức lãi suất quá hạn là 16,5% kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 01/4/2024 là phù hợp với

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết và các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[8] Như vậy, bị đơn ông Hoàng Văn H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng B số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/7/2025 là: 168.956.489 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 119.180.000 đồng (Một trăm mười chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); nợ lãi trong hạn là 17.489.740 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày 10/7/2025 là 32.286.749 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng).

[9] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Về án phí: Căn cứ các điều 144 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: 5% x 168.956.489 đồng = 8.447.824 đồng (Tám triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi tư đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.787.604 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm linh tư đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000576 ngày 23/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập).

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 184, 186, 227, 228, 266, 271, 273, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 4, các điều 5, 13, 18, 20, 21 và 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ các điều 116, 117 và 401 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 7, 8, 10 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn H trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền là: **168.956.489 đồng** (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 119.180.000 đồng (Một trăm mười chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); nợ lãi trong hạn là 17.489.740 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày 10/7/2025 là 32.286.749 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền **8.447.824 đồng** (Tám triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi tư đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.787.604 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm linh tư đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000576 ngày 23/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập).

3. Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Khánh Phương